

## DN-BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ
<b>TÀI SẢN</b>			
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>51.568.508.534</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.249.546.415</b>
1. Tiền	111	V.01	6.249.546.415
2. Các khoản tương đương tiền	112		
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.819.314.947</b>
1. Phải thu khách hàng	131		14.867.645.812
2. Trả trước cho người bán	132		783.522.764
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	183.699.831
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(15.553.460)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>29.320.091.646</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	29.320.091.646
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>179.555.526</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		179.555.526

<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>73.208.889.589</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	10.000.000
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>61.685.418.377</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	V.08	28.390.170.104
- Nguyên giá	222		79.750.807.782
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.360.637.678)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>	V.09	-
- Nguyên giá	225		
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	V.10	2.450.431.531
- Nguyên giá	228		5.283.088.204
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.832.656.673)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	30.844.816.742
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	-
- Nguyên giá	241		
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>9.687.224.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	6.687.224.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.826.247.212</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.674.468.212
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	
3. Tài sản dài hạn khác	268		151.779.000
VI. Lợi thế thương mại	269		
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>124.777.398.123</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>			
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>50.602.897.426</b>

<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>50.602.897.426</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	26.336.616.394
2. Phải trả người bán	312		8.744.662.908
3. Người mua trả tiền trước	313		6.842.783.728
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	2.999.677.518
5. Phải trả người lao động	315		2.841.354.541
6. Chi phí phải trả	316		
7. Phải trả nội bộ	317	V.17	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1.211.865.183
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.625.937.154
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	
3. Phải trả dài hạn khác	333		
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>74.174.500.697</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>74.174.500.697</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		53.206.940.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		80.284.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		266.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(62.460.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.240.842.025
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.198.492.491
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.244.402.181
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>124.777.398.123</b>

<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>			
1. Tài sản thuê ngoài	01		0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		176.763.100
5. Ngoại tệ các loại	05		0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		0

CÔNG TY CP GẠCH NGÓI GỖM XD MỸ XUÂN  
Địa chỉ : Ấp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Tân Thành, BR - VT  
Mã số thuế : 3500640966

Báo cáo tài chính  
Quý 1 năm tài chính : 2013  
Mẫu số :

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ 1

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		33.816.129.380	24.095.563.072	33.816.129.380	24.095.563.072
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		55.982.597	-	55.982.597	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>33.760.146.783</b>	<b>24.095.563.072</b>	<b>33.760.146.783</b>	<b>24.095.563.072</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		23.967.252.468	15.314.556.760	23.967.252.468	15.314.556.760
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>9.792.894.315</b>	<b>8.781.006.312</b>	<b>9.792.894.315</b>	<b>8.781.006.312</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.139.137	13.322.686	3.139.137	13.322.686
7. Chi phí tài chính	22		773.024.470	1.083.401.819	773.024.470	1.083.401.819
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		773.024.470	1.083.401.819	773.024.470	1.083.401.819
8. Chi phí bán hàng	24		4.058.794.666	3.821.179.683	4.058.794.666	3.821.179.683
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.237.323.794	2.652.998.652	2.237.323.794	2.652.998.652
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25))</b>	<b>30</b>		<b>2.726.890.522</b>	<b>1.236.748.844</b>	<b>2.726.890.522</b>	<b>1.236.748.844</b>
11. Thu nhập khác	31			50.213.750	-	50.213.750
12. Chi phí khác	32		30.391.845	3.769.479	30.391.845	3.769.479
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(30.391.845)</b>	<b>46.444.271</b>	<b>(30.391.845)</b>	<b>46.444.271</b>
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>2.696.498.677</b>	<b>1.283.193.115</b>	<b>2.696.498.677</b>	<b>1.283.193.115</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		314.944.698	105.914.484	314.944.698	105.914.484
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>2.381.553.979</b>	<b>1.177.278.631</b>	<b>2.381.553.979</b>	<b>1.177.278.631</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số						
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ						
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		448	222	448	222

CÔNG TY CP GẠCH NGÓI GÓM XD MỸ XUÂN  
 Địa chỉ : Ấp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Tân Thành, BR - VT  
 Mã số thuế : 3500640966

Báo cáo tài chính  
 Quý 1 năm tài chính : 2013

Mẫu số B03a-DN

**DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT - QUÝ 1**

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		31.427.679.149	31.730.768.626
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3.137.817.316)	(7.114.359.599)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.870.228.968)	(5.977.389.097)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(773.024.470)	(1.083.401.819)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(198.764.175)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		581.241.160	1.003.061.676
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.284.511.260)	(5.533.780.290)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>15.744.574.120</b>	<b>13.024.899.497</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(592.810.000)	(208.336.734)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(592.810.000)</b>	<b>(208.336.734)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.375.921.447	8.014.152.343
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(19.082.720.332)	(17.235.186.845)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.534.000)	(5.284.545.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.736.332.885)</b>	<b>(14.505.579.502)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>4.415.431.235</b>	<b>(1.689.016.739)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.834.115.180	4.550.992.947

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>6.249.546.415</b>	<b>2.861.976.208</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

---

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2013

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2013 của Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân (gọi tắt là Công ty).

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ Phần.
- **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác đất sét sản xuất kinh doanh các sản phẩm gốm và vật liệu xây dựng, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

##### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán Quý 1 năm 2013 thuộc năm tài chính thứ 10 của công ty kể từ khi chuyển sang cổ phần.

##### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

#### III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

##### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

#### IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

#### V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

##### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền:



## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

---

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

### 3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

### 4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cho việc hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời vv..) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

#### *Nguyên tắc đánh giá*

Tài sản cố định (TSCĐ) được ghi nhận theo giá gốc và được phản ánh theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong năm.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bắt năm các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong năm.

#### Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được ước tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10

### 6. Tài sản cố định vô hình

#### Quyền sử dụng đất

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỒM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

---

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên khoảng thời gian thời hạn sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn thì không tính khấu hao.

Số năm khấu hao của các Quyền sử dụng đất có thời hạn như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Quyền sử dụng đất	09 - 38

### 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản đưa vào sử dụng.

### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty/Doanh nghiệp trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

### 9. Chi phí trả trước

#### *Chi phí công cụ dụng cụ*

Các chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ được Công ty phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng tùy theo thời gian sử dụng hữu ích của từng loại công cụ dụng cụ.

#### *Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định được Công ty phân bổ vào chi phí trong vòng 2 - 3 năm kể từ ngày phát sinh.

### 10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại, và phải trả khác được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm.

### 12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thuế thu nhập phải nộp trong năm hiện tại và thuế thu nhập hoãn lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỒM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong năm.

### 15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm nguồn vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần có được từ việc phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

### 16. Bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền	5.093.597.164	61.358.000
Tiền VND	5.093.597.164	61.358.000
Tiền gửi ngân hàng	1.155.949.251	1.772.757.180
Tiền VND	1.155.949.251	1.772.757.180
<b>Các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.249.546.415</b>	<b>1.834.115.180</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỒM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khu vực Bà Rịa - Long Điền - Đất Đỏ	66.264.817	103.354.441
Khu vực Tân Thành - Châu Đức	99.746.215	192.097.436
Khu vực miền trung	205.818.625	82.828.810
Khu vực Vũng Tàu	444.531.527	922.137.660
Khu vực Đà Lạt	20.139.840	20.139.840
Khu vực Tp. Hồ Chí Minh - Nguyễn Văn Kiên	592.243.390	318.088.795
Khu vực Tp. Hồ Chí Minh - Dư Đức Hoàng	54.672.871	104.672.871
Khu vực Tp. Hồ Chí Minh - Ngô Quang Huy	133.899.843	203.436.246
Khu vực Tp. Hồ Chí Minh - Phan Đình Tấn	273.768.045	94.088.972
Khu vực miền tây	183.777.185	227.771.230
Khu vực Miền trung Tây Nguyên - Phan Đình Tấn	115.084.127	15.647.175
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Đại Hữu	12.309.051.214	1.898.335.387
Công Ty TNHH Phú Mỹ Xuân	368.648.113	124.883.147
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.867.645.812</b>	<b>4.307.482.010</b>

### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyễn Thị Huệ	22.000.000	5.500.000
CTy CP Công Nghiệp Chịu Lửa Hưng Đạo	-	100.000.000
Công ty TNHH Hùng Duy	11.520.000	200.000.000
Công Ty TNHH MTV DV&XD Phước Khánh	750.000.000	100.000.000
Khách hàng khác	2.764	2.764
<b>Tổng cộng</b>	<b>783.522.764</b>	<b>405.502.764</b>

### 4. Các khoản phải thu khác

Tiền mua cổ phiếu trả chậm của nhân viên	2.800.000	2.800.000
Phải thu khác	180.899.831	57.905.296
<b>Tổng cộng</b>	<b>183.699.831</b>	<b>60.705.296</b>

### 5. Hàng tồn kho

Nguyên vật liệu	12.949.238.890	12.871.349.762
Công cụ dụng cụ	185.992.040	235.596.964
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.252.024.121	4.028.127.104
Thành phẩm	13.461.208.656	11.523.749.340

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỒM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Hàng hóa	471.627.939	487.874.102
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>		
<b>Giá trị thuần</b>	<b>29.320.091.646</b>	<b>29.146.697.272</b>
<b>6. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
<b>Tạm ứng nhân viên</b>	<b>179.555.526</b>	<b>100.881.206</b>
Tạm ứng của nhân viên	179.555.526	100.881.206
<b>Ký cược ký quỹ ngắn hạn</b>		-
Ký quỹ thi công công trình		-
<b>Tổng cộng</b>	<b>179.555.526</b>	<b>100.881.206</b>

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình và hao mòn trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số đầu năm	33.364.694.124	42.962.064.428	2.745.974.834	278.074.396	79.350.807.782
2. Số tăng trong kỳ	-	400.000.000			400.000.000
- Mua sắm mới		400.000.000			400.000.000
- XD/CB hoàn thành					
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	0
- Thanh lý					0
- Giảm khác (*)					-
<b>4. Số cuối kỳ</b>	<b>33.364.694.124</b>	<b>43.362.064.428</b>	<b>2.745.974.834</b>	<b>278.074.396</b>	<b>79.750.807.782</b>
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>					
1. Số đầu năm	18.005.061.299	29.717.273.754	1.905.023.859	218.698.147	49.846.057.058
2. Tăng trong kỳ	460.750.481	949.046.781	97.740.851	7.042.507	1.514.580.620
- Khấu hao trong kỳ	460.750.481	949.046.781	97.740.851	7.042.507	1.514.580.620
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý					-
- Giảm khác (*)					-
<b>4. Số cuối kỳ</b>	<b>18.465.811.779</b>	<b>30.666.320.536</b>	<b>2.002.764.710</b>	<b>225.740.654</b>	<b>51.360.637.678</b>
	<b>18.465.811.779</b>	<b>30.666.320.536</b>	<b>2.002.764.709</b>	<b>225.740.654</b>	
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Số đầu năm	15.359.632.825	13.244.790.674	840.950.975	59.376.249	29.504.750.724
<b>2. Số cuối kỳ</b>	<b>14.898.882.345</b>	<b>12.695.743.893</b>	<b>743.210.124</b>	<b>52.333.742</b>	<b>28.390.170.104</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỒM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

**8. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số đầu năm	4.651.063.204	632.025.000	5.283.088.204
2. Tăng trong quý	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>4.651.063.204</b>	<b>632.025.000</b>	<b>5.283.088.204</b>
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>			
1. Số đầu năm	2.238.414.161	552.477.825	2.790.891.986
2. Tăng trong kỳ	10.163.437	31.601.250	41.764.687
3. Giảm trong quý	-	-	-
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>2.248.577.598</b>	<b>584.079.075</b>	<b>2.832.656.673</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Số đầu năm	2.412.649.043	79.547.175	2.492.196.218
<b>2. Số cuối năm</b>	<b>2.402.485.606</b>	<b>47.945.925</b>	<b>2.450.431.531</b>

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Đầu tư trong năm	Kết chuyển TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào phí và giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	5.201.895.053			2.936.363.636	2.265.531.417
Các công trình xây dựng cơ bản	29.617.578.156	2.750.471.557		3.788.764.388	28.579.285.325
Sửa chữa lớn tài sản cố định (chưa hoàn thành)	96.686.259			96.686.259	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.916.159.468</b>	<b>2.750.471.557</b>	<b>-</b>	<b>6.821.814.283</b>	<b>30.844.816.742</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỒM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

**10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Khoản mục	Số đầu năm	Giảm trong		Số cuối kỳ
		Tăng trong kỳ	kỳ	
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>3.000.000.000</b>	-	-	<b>3.000.000.000</b>
- Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân (*)	2.000.000.000			2.000.000.000
- DA Nhà Máy SX Gạch Ngói tại xã Suối Rao - Huyện Châu Đức - BRVT	1.000.000.000			1.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>6.687.224.000</b>	-	-	<b>6.687.224.000</b>
- Trái phiếu chính phủ	-			0
- Mua cổ phiếu Công ty Xây Lắp Bà Rịa - Vũng Tàu	1.287.224.000			1.287.224.000
- Góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH TM&DV Đại Hữu (**)	5.400.000.000			5.400.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.687.224.000</b>	-	-	<b>9.687.224.000</b>

Năm 2008, tỷ lệ vốn góp vào Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân là 19,8%. Năm 2009, Do Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân giảm vốn điều lệ, nên tỷ lệ vốn góp là 23,17%. Năm 2010 tỷ lệ góp vốn không thay đổi.  
(\*)

Đầu tư vào Công ty TNHH TM&DV Đại Hữu theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 28 tháng 09 năm 2009, tỷ lệ vốn góp 15%, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư.  
(\*\*)

Hợp tác Đầu tư vào Dự Án khai thác mỏ sét và Nhà Máy SX Gạch Ngói tại xã Suối Rao Huyện Châu Đức - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo hợp đồng Hợp tác đầu tư số 006/HĐHTKD ngày 13/06/2011 với Công Ty TNHH Xây Lắp - Dịch vụ Tân Thịnh và Công Ty TNHH Phú Mỹ Xuân, tỷ lệ vốn góp 25%, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư.  
(\*\*\*)

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.362.661.421	96.686.259	240.203.879	1.219.143.801
Tiền thuê đất	148.315.464,00		12.359.622	135.955.842
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.845.617.553</b>	<b>145.104.259</b>	<b>316.253.600</b>	<b>1.674.468.212</b>

**12. Tài sản dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ký Quỹ phục hồi môi trường khai thác mỏ	151.779.000	151.779.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>151.779.000</b>	<b>151.779.000</b>

**13. Vay ngắn hạn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỒM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

	Số đầu năm	Vay thêm trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>22.908.448.942</b>	<b>22.510.887.784</b>	<b>19.082.720.332</b>	<b>26.336.616.394</b>
- Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	14.175.752.976	22.510.887.784	10.350.024.366	26.336.616.394
- Vay Chi nhánh ngân hàng ĐT-PT Phú Mỹ	8.732.695.966		8.732.695.966	0
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số VI.17)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.908.448.942</b>	<b>22.510.887.784</b>	<b>19.082.720.332</b>	<b>26.336.616.394</b>

Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

- *Hợp đồng vay : Số HĐ 01-11/HĐHM/GMX ngày 21 tháng 02 năm 2011*
  - + Hạn mức vay : 15.000.000.000 VND
  - + Lãi vay : Theo từng lần nhận nợ
  - + Thời hạn vay : 04 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tính theo từng lần nhận nợ.
  - + Mục đích vay : Thanh toán các chi phí phục vụ cho quá trình khai thác nguyên liệu sét - sản xuất - tiêu thụ gạch ngói xây dựng các loại
  - + Tài sản đảm bảo : Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, công trình xây dựng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01-2011/HĐTC - MYXUAN ngày 21/02/2011.
- *Hợp đồng vay : Số HĐ 01/2011/1509034/HĐ ngày 28 tháng 11 năm 2011*
  - + Hạn mức vay : 18.000.000.000 VND
  - + Lãi vay : Theo từng lần nhận nợ
  - + Thời hạn vay : 12 tháng từ ngày rút vốn đầu tiên.
  - + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động.
  - + Tài sản đảm bảo : Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 97.049,4 m2 tại xã Mỹ Xuân.

**14. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân – Công ty Liên doanh, liên kết	3.342.033.279	2.705.689.326
<i>Cung cấp hàng hóa, dịch vụ</i>	<i>2.404.449.279</i>	<i>1.854.217.326</i>
<i>Cung cấp dịch vụ vận chuyển - thuê máy móc thiết bị</i>	<i>937.584.000</i>	<i>851.472.000</i>
Phải trả chi phí đền bù giải tỏa mở rộng mô sét Mỹ Xuân	1.900.717.488	1.944.967.488
Công Ty TNHH Anh Trang	-	552.475.000
Công Ty CP Công Nghiệp Chịu Lửa Hưng Đạo	403.658.320	-
Công Ty CP Đầu Tư Xây Dựng Bảo Toàn	425.853.350	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỖM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Các nhà cung cấp khác	2.672.400.471	2.569.806.180
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.744.662.908</b>	<b>7.772.937.994</b>

**15. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khu vực TP.HCM	306.758.564	392.205.177
Khu vực miền trung - Miền Tây - Đà Lạt - PKD	1.290.733.244	1.147.331.422
Khu vực Vũng Tàu	4.870.387.243	27.086.000
Khu vực Tân thành - Bà Rịa	374.904.677	372.683.535
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.842.783.728</b>	<b>1.939.306.134</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

STT	Chỉ tiêu	<u>Phải nộp đầu năm</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Đã nộp</u>	<u>Còn phải nộp cuối kỳ</u>
<b>I.</b>	<b>Thuế</b>	<b>1.490.451.954</b>	<b>2.431.006.542</b>	<b>999.067.074</b>	<b>2.922.391.422</b>
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	745.787.933	1.843.971.315	745.787.933	1.843.971.315
2.	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
3.	Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-
4.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	198.764.175	314.944.698	198.764.175	314.944.698
	- Số phát sinh	198.764.175	314.944.698	198.764.175	314.944.698
	- Tăng khác (*)	-	-	-	-
5.	Thuế tài nguyên (**)	-	-	-	-
6.	Tiền thuê đất	494.384.880	-	-	494.384.880
7.	Các loại thuế khác	51.514.966	272.090.529	54.514.966	269.090.529
	- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	- Thuế thu nhập cá nhân	51.514.966	269.090.529	51.514.966	269.090.529
<b>II.</b>	<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>58.734.387</b>	<b>21.808.354</b>	<b>3.256.645</b>	<b>77.286.096</b>
1.	Phí bảo vệ môi trường	-	-	-	-
2.	Phí trước bạ	-	-	-	-
3.	Các khoản phải nộp khác	58.734.387	21.808.354	3.256.645	77.286.096
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.549.186.341</b>	<b>2.452.814.896</b>	<b>1.002.323.719</b>	<b>2.999.677.518</b>

(\*) Khoản thuế nộp thừa được trình bày trên khoản “thuế và các khoản phải thu của nhà nước”

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỖM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

---

• **Thuế giá trị gia tăng:**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng
  - + *Gạch ngói, gốm* : 10 %

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp:**

(Xem thuyết minh số V.10)

• **Các khoản thuế khác:**

Công ty kê khai và nộp theo các qui định hiện hành.

**17. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	718.776.099	779.535.216
Bảo hiểm xã hội - y tế - thất nghiệp phải nộp	250.576.640	516.027.120
Phải trả về cổ phần hóa	4.400.000	4.400.000
Cổ tức tạm chia đợt 1 năm 2012 còn phải trả	127.050.850	157.000.850
Phải trả khác	111.061.594	97.626.061
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.211.865.183</u></b>	<b><u>1.554.589.247</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

### 18. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>53.206.940.000</b>	<b>80.284.000</b>	<b>166.000.000</b>	<b>(62.460.000)</b>	<b>6.081.368.074</b>	<b>4.039.018.540</b>	<b>12.951.408.279</b>	<b>76.462.558.893</b>
Vốn ngân sách cấp bổ sung	-	-	100.000.000	-	-	-	-	100.000.000
Tăng vốn từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	-	<b>13.565.841.084</b>	13.565.841.084
Tăng các quỹ năm trước	-	-	-	-	135.658.411	135.658.411	(2.306.192.984)	(2.034.876.162)
Chi các quỹ năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(15.943.344.000)	(15.943.344.000)
Giảm khác năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>53.206.940.000</b>	<b>80.284.000</b>	<b>266.000.000</b>	<b>(62.460.000)</b>	<b>6.217.026.485</b>	<b>4.174.676.951</b>	<b>8.267.712.379</b>	<b>72.150.179.815</b>
Số dư đầu năm nay	53.206.940.000	80.284.000	266.000.000	(62.460.000)	6.217.026.485	4.174.676.951	8.267.712.379	72.150.179.815
Vốn ngân sách cấp bổ sung	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	2.381.553.979	2.381.553.979
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tạm trích lập các quỹ kỳ này	-	-	-	-	23.815.540	23.815.540	(404.864.177)	(357.233.097)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>53.206.940.000</b>	<b>80.284.000</b>	<b>266.000.000</b>	<b>(62.460.000)</b>	<b>6.240.842.025</b>	<b>4.198.492.491</b>	<b>10.244.402.181</b>	<b>74.174.500.697</b>

Bảng thuyết minh này phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc 31/03/ 2013

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

### Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang		8.267.712.379
Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	2.381.553.979	
Các khoản tăng lợi nhuận	-	
Các khoản giảm lợi nhuận	404.864.177	
<i>Chia cổ tức năm - Đợt 2/2012</i>	-	
<i>Trích lập các quỹ (*)</i>	<u>404.864.177</u>	
<b>Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang kỳ sau</b>		<b><u><u>10.244.402.181</u></u></b>

#### (\*) Chi tiết trích quỹ trong kỳ:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	6.240.842.025	6.217.026.485
Quỹ dự phòng tài chính	4.198.492.491	4.174.676.951
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.625.937.154	1.894.686.785

Các quỹ doanh nghiệp tăng trong năm được tạm trích lập từ lợi nhuận sau thuế:

- Tỷ lệ trích quỹ trong kỳ được trích theo kế hoạch Phân phối Lợi Nhuận đầu năm 2013.

Tỷ lệ trích các quỹ trong kỳ:

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%
+ Quỹ đầu tư phát triển:	1%
+ Quỹ dự phòng tài chính:	1%

### Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.320.694	5.320.694
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.320.694	5.320.694
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.320.694</i>	<i>5.320.694</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	6.246	6.246
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.246</i>	<i>6.246</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.314.448	5.314.448
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.314.448</i>	<i>5.314.448</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

### Cổ tức

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỐM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Căn cứ theo Nghị Quyết họp Đại hội đồng Cổ Đông thường niên ngày 20/04/2012 Quyết định phân phối lợi nhuận năm 2011 công bố chia cổ tức theo tỷ lệ 20% trên vốn chủ sở hữu với số tiền tương đương là 10.628.896.000 VND và tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2012 theo tỷ lệ 10% trên vốn chủ sở hữu với số tiền tương đương là 5.314.448.000 VNĐ

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. Doanh thu thuần

	<u>Quý 1 Nam 2013</u>	<u>Quý 1 Nam 2012</u>
Doanh thu gạch ngói đất sét nung	20.728.339.927	21.574.715.692
Doanh thu ngói xi măng màu	3.383.640.948	2.520.847.380
Doanh thu Dịch vụ xây lắp	9.464.287.115	
Doanh thu cho thuê hoạt động	239.861.390	
Các khoản giảm trừ doanh thu	(55.982.597)	-
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(55.982.597)</i>	<i>-</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>33.760.146.783</u></b>	<b><u>24.095.563.072</u></b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn gạch ngói đất sét nung	12.586.161.489	13.716.243.950
Giá vốn ngói xi măng màu	1.985.121.153	1.598.312.810
Giá vốn Dịch vụ xây lắp	9.174.603.571	
Giá vốn cho thuê hoạt động	221.366.255	
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>23.967.252.468</u></b>	<b><u>15.314.556.760</u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	3.139.137	13.322.686
Thu nhập cổ tức từ các khoản đầu tư		
Thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư		-
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán		-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.139.137</u></b>	<b><u>13.322.686</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán		-
Chi phí lãi vay	773.024.470	1.083.401.819
Phí bán chứng khoán		
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>773.024.470</u></b>	<b><u>1.083.401.819</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỒM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Quý 1 Năm 2013</u>	<u>Quý 1 Năm 2012</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	958.090.737	937.522.403
Chi phí vật liệu	871.636.172	610.238.385
Chi phí công cụ	20.054.525	11.430.290
Chi phí khấu hao	37.118.182	5.246.829
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.874.391.782	2.012.635.368
Chi phí bằng tiền khác	297.503.268	244.106.408
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>4.058.794.666</u></b>	<b><u>3.821.179.683</u></b>

**6. Chi phí quản lý**

Chi phí nhân viên quản lý	1.572.442.628	1.548.937.213
Chi phí Tel-Fax-Thư	22.373.111	18.202.374
Chi phí vật liệu, đồ dung	47.166.355	103.437.378
Chi phí khấu hao	54.923.293	59.992.718
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.986.595	100.694.384
Chi phí bằng tiền khác	446.431.812	821.734.585
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>2.237.323.794</u></b>	<b><u>2.652.998.652</u></b>

**7. Thu nhập khác**

Thanh lý tài sản cố định	-	50.000.000
Thu nhập khác	-	213.750
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b><u>50.213.750</u></b>

**8. Chi phí khác**

Thanh lý tài sản cố định		3.769.479
Chi phí khấu hao tài sản cố định không dùng vào SX trong kỳ		
Phạt thuế, chậm nộp bảo hiểm	30.391.845	
Chi phí khác		-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>30.391.845</u></b>	<b><u>3.769.479</u></b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỐM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 15 % thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm đầu kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 8 năm tiếp theo đối với các hoạt động sản xuất gạch ngói đất sét nung. Năm 2013 Công ty đang trong giai đoạn giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động này.

Ngoài ra, Công ty còn được hưởng các ưu đãi sau:

Đối với hoạt động sản xuất ngói xi măng màu không nung theo dây chuyền thiết bị thuộc công nghệ kỹ thuật cao của Italia được ưu đãi theo diện kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất được miễn giảm 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm đối với dự án đầu tư thuộc ngành nghề lĩnh vực kinh doanh và thực hiện tại địa bàn được ưu đãi theo quy định tại khoản 4 điều 38 Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính Phủ. Năm 2013 là năm thứ tư Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trong năm 2008, Công ty có đầu tư dây chuyền mở rộng số 3 – Nhà máy gạch ngói Mỹ Xuân tại xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành đủ điều kiện miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo cho phần lợi nhuận tăng thêm do đầu tư mang lại. Tháng 7/2009 Công ty có đầu tư dây chuyền Béc đốt than thuộc dây chuyền sản xuất 3 của Công ty, theo điều kiện ưu đãi, dây chuyền này cũng được miễn thuế 01 năm và giảm 50% thuế phải nộp cho 4 năm tiếp theo, thời gian ưu đãi tính từ quý 4/2009. Năm 2013 là năm thứ 3 dây chuyền Béc đốt than được giảm 50% thuế, dây chuyền 3 là năm thứ nhất áp dụng mức thuế suất 15% thu nhập chịu thuế từ dự án này.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ước tính như sau:

	<b>Quý 1 Năm 2013</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.696.498.677
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	159.391.845
+ <i>Phần khấu hao tài sản cố định không sử dụng</i>	-
+ <i>Các khoản phạt vi phạm hành chính</i>	0
+ <i>Chi phí không liên quan đến hoạt động Sản xuất kinh doanh</i>	159.391.845
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-
+ <i>Lợi nhuận nhận được từ hoạt động đầu tư</i>	-
Lỗ năm trước chuyển sang	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.855.890.522</b>
+ <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh ngói màu (15%)</i>	488.323.223
+ <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh gạch ngói đất sét nung (15%)</i>	2.059.388.620
+ <i>Lợi nhuận từ Dịch vụ Xây Lắp (25%)</i>	289.683.544
+ <i>Lợi nhuận từ cho thuê hoạt động (25%)</i>	18.495.135
Chi phí thuế TNDN hiện hành	459.201.446
Chi phí thuế TNDN được giảm	144.256.748
+ <i>Ưu đãi giảm 50% thuế cho sản xuất gạch ngói của Công ty</i>	191.078.388
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2012</b>	<b>314.944.698</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp kỳ này</b>	<b>314.944.698</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỒM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Quý 1 Năm 2013</u>	<u>Quý 1 Năm 2012</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.381.553.979	1.177.278.631
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	<u>-</u>	<u>-</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.381.553.979	1.177.278.631
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (*)	<u>5.314.448</u>	<u>5.314.448</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>448</b>	<b>222</b>

A. (\*) Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân được tính như sau:

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành	<u>5.314.448</u>	<u>5.314.448</u>
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân</b>	<b><u>5.314.448</u></b>	<b><u>5.314.448</u></b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch với các bên liên quan**

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Quý 1 Năm 2013</u>	<u>Quý 1 Năm 2012</u>
Tiền lương, phụ cấp	330.327.214	312.434.272
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	<u>129.000.000</u>	<u>129.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>459.327.214</u></b>	<b><u>441.434.272</u></b>

**2. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Xây Lắp Bà Rịa - Vũng Tàu	Đầu tư dài hạn khác
Đầu tư vào Công ty TNHH TM&DV Đại Hữu	Đầu tư dài hạn khác

Trong kỳ, Công ty có các nghiệp vụ kinh tế với các bên liên quan như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỖM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>Số tiền</b>
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa, thuê máy móc thiết bị	1.900.117.000
	Thanh toán cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa, thuê máy móc thiết bị	1.839.530.000
	Cung cấp vật tư, hàng hóa	4.426.383.066
	Thanh toán cung cấp vật tư hàng hóa	3.876.151.113
	Thanh toán Cổ tức 2012	-
Công ty Xây Lắp Bà Rịa - Vũng Tàu	Thanh toán Cổ tức đợt 1/2012	-
Đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công nợ phải trả với các bên liên quan như sau:		

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung số dư</b>	<b>Số tiền</b>
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	3.342.033.279
	Phải trả khoản ứng trước tiền hàng	475.113.117
Công ty Xây Lắp Bà Rịa - Vũng Tàu		-

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 18 tháng 04 năm 2013

**Người Lập Biểu**

**Kế toán Trưởng**

**Tổng Giám Đốc**

**Lưu Thị Mai**

**Trần Thị Cảnh**

**LƯU NGỌC THANH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỐM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2011

---